

ĐÔI THI SĨ ĐẤT HÀ TIÊN: ĐÔNG HỒ - MỘNG TUYẾT

Huỳnh Công Tín

Hà Tiên phát triển thịnh vượng một thời, không chỉ kinh tế, thương mại, dịch vụ, mà còn cả hoạt động văn hóa, tinh thần; tạo được tiếng vang trong cả nước. Tao đàn Chiêu Anh Các được hình thành ở đây. Thơ văn Chiêu Anh Các vẫn được gìn giữ, lưu truyền và tiếp nối, nhờ sự đóng góp không nhỏ của đôi thi sĩ đất Hà Tiên đầu thế kỷ XX: nhà thơ Đông Hồ và nhà thơ Mộng Tuyết.

Đông Hồ tên thật Lâm Tấn Phác (1906-1969), tự Trác Chi, hiệu Đông Hồ, Hòa Bích. Ông là người Mỹ Đức, Hà Tiên, Kiên Giang. Ông có công trong việc mở Trí Đức học xá, trường dạy chữ Quốc ngữ tại Hà Tiên, năm 1926. Ông là nhà thơ, nhà văn, đồng thời cũng là nhà giáo, nhà báo. Từ năm 1964, ông dạy ở Đại học Văn Khoa Sài Gòn. Ông viết nhiều cho các báo: “Đông Pháp thời báo, Nam Phong, Phụ nữ tân văn, Trung Bắc tân văn...”. Ông còn ra báo và lập nhà xuất bản. Ông cũng là người có công lớn trong việc sưu tầm, khảo cứu những tư liệu có liên quan đến Tao đàn Chiêu Anh Các và thơ văn của Tao đàn này.

Trên phương diện văn thi sĩ, ông có các tác phẩm: “*Thăm đảo Phú Quốc* (1927), *Lệ ký Linh Phương* (1928), *Hà Tiên Mạc thị sử* (1929), *Chuyện cầu tiên ở Phương thành* (1932), *Lý thư đọc sách* (1932), *Thơ Đông Hồ* (1932), *Hoài cảm* (1933), *Cô gái xuân* (1935), *Trình trắng* (1961)...”

Trên phương diện nhà khảo cứu, ông có các tác phẩm: “*Úc viên thi thoại* (1909), *Truyện Song Tinh* (1962), *Văn học miền Nam: Văn học Hà Tiên* (1970)...”

Thơ văn Đông Hồ thiên về ca ngợi cảnh đẹp thiên nhiên và các danh thắng của đất nước. Ông là nhà thơ có điều kiện đi nhiều. Khi ông dừng chân ở một nơi nào đó, vừa thăm thắng cảnh danh lam, cũng vừa kết hợp thăm bạn thi nhân. Ấu cũng là sở thích

tao nhã thời ấy. Chẳng hạn, khi chơi núi Châu Thới, Biên Hòa, ông viết:

*“Đường thế dấu chôn chân lữ khách,
Rượu nồng thêm đượm tứ thi nhân.
Ngắm cây Châu Thới xa lừng lắc
Kìa nước Đồng Nai đã đến gần.”.*

Một bài thơ khác, Đông Hồ làm tặng bạn khi ông đến thăm vùng đất Quy Nhơn - Tuy Hòa, nơi có đầm Đạm Thủy, cồn Lam Sơn, suối nước nóng, rừng dương xanh, với thắng cảnh Đồ Bàn và đặc biệt, nơi ấy lại có những người bạn chí tình:

*“Dừng bước qua chơi cảnh Cổ Bàn
Đề Di riêng một cõi giang san.
Biển xanh cát trắng trời cho cảnh
Cỏ lạ hoa thơm khách có vườn
Bèo nước gió đưa duyên hãn mặc
Rượu thơ mây hợp bạn chi lan
Ra đi bao xiết tình lưu luyến
Thành trúc chờ nhau rót chén tràn.”.*

Thơ Trác Chi cũng nói về tình yêu nhưng đó là một tình cảm nhẹ nhàng, sâu lắng, đôi khi phảng phất một nỗi sầu man mác. Chẳng hạn, bài thơ khai bút mừng tuổi Tuyết Muội Muội:

*“Núi Mộng gương Hồ thơ hiển linh
Thi thần tuyệt sắc giữa nhân sinh
Đã đem cay đắng làm ngon ngọt
Thì lấy gian nan hưởng thái bình*

*Tuổi trẻ vui lây hồn thế hệ
Đường chiều thêm đẹp bước vân trình
Thời gian dấu đổi màu sương tuyết
Ngan ngát còn thơm mái tóc trinh.”*

Một bài thơ khác, ông viết khi mất người bạn trăm năm:

*““Giọt Lệ Thu” kia vẫn đượm sâu
Cánh chim Linh Phương biết về đâu,
Đài gương nhạt phấn phôi pha nét
Viện sách tàn hương lạnh lẽo màu*

*Cõi Bắc trời Nam “Hai Giọt Lệ”
Đông Hồ Tương Phổ một dòng châu
Đoạn trường gặp gỡ năm canh mộng
Một hội thương tâm, một nhịp cầu.”.*

Ở bình diện khảo cứu văn chương, Đông Hồ có những đóng góp đáng kể hơn. Công lớn của đôi thi sĩ đất Hà Tiên: Đông Hồ - Mộng Tuyết, là việc sưu tầm khảo cứu văn chương Hà Tiên. Đông Hồ đã giới thiệu khá chi tiết về Tao đàn Chiêu Anh Các và Hà Tiên Thập Cảnh vịnh. Đông Hồ dịch các bài xướng chữ Hán của Mạc Thiên Tích, chú giải các điển cố, từ ngữ, phân tích và bình 10 bài xướng và các khúc vịnh nói về cảnh đẹp Hà Tiên. Công việc của ông đã góp phần làm cho các thế hệ tiếp nối sau hiểu và yêu mến văn học Hà Tiên. Có thể nói không quá đáng rằng, không có ông gìn giữ, ngọn lửa văn chương Hà Tiên thời họ Mạc có thể bị nguội và tàn lụi đi. Ông phân tích và bình về một số cảnh đẹp trong văn học Hà Tiên. Sự phân tích và bình phẩm này nói lên trình độ cảm nhận chung và ý thức về sức mạnh văn chương, nhất là văn chương chữ Nôm ở Đông hồ là khá nhạy bén, chứng tỏ ông nắm bắt được tinh thần của người chủ xướng Tao đàn Chiêu Anh Các thời bấy giờ. Đông Hồ viết:

“Lại còn một yếu tố này khiến cho người chủ trương Chiêu Anh Các làm thơ Nôm là yếu tố nhân dân xã hội. Họ Mạc ở Hà Tiên đang khai thác mở mang bờ cõi. Chính sách cần phải cổ động tuyên truyền cho vùng đất mới; cần phải ca tụng vùng đất phong phú phì nhiêu để hấp dẫn, để kêu gọi đám lưu dân quy phụ về đông đảo. Mà đám lưu dân, đám nông dân từ Đàng Trong Nam tiến thì toàn là người Việt cả. Nếu thơ văn làm bằng tiếng Hán thì chỉ để đám nho sĩ, học giả thường thức với nhau mà thôi, chớ chắc chắn là không có ảnh hưởng bao nhiêu đến hạng bình dân mà chính sách khai thác biên cương phải cần đến họ. Những người chủ trương Chiêu Anh Các đã khôn ngoan sớm nhận thấy được khuynh hướng và sở thích của đám người lưu dân này.”.

Còn đây là một đoạn Đông Hồ nhận định về Tao đàn Chiêu Anh Các rất khúc chiết, thể

hiện sự nghiên cứu, đối chiếu, so sánh khá tỉ mỉ của ông:

“Chúng ta đọc Lê sử thấy vua Lê Thánh Tông đời Hồng Đức có lập Tao đàn là một tổ chức văn học rất hoàn bị. Cách tổ chức Chiêu Anh Các của họ Mạc ở Hà Tiên cũng gần y như vậy. Nhân vật Tao đàn Hồng Đức có “Thập bát tú”, Chiêu Anh Các Hà Tiên có số người nhiều hơn. Có sách chép 32, nhưng có sách chép 36. Số 36 vị này gọi là “Tam thập lục kiệt”. Tam thập lục kiệt là 36 vị kiệt sĩ, mà trong số đó, có “Thập bát anh” là 18 vị anh hoa xuất chúng. Thập bát anh, tức là phân nửa số của Tam thập lục kiệt. Có câu thơ ca tụng Thập bát anh rằng:

*“Tài hoa lâm lập trú Phương Thành
Nam Bắc hàm vân Thập bát anh.”.*

Nghĩa là tài hoa ở Phương Thành đông đúc, san sát như rừng mà Nam quốc, Bắc quốc đều xưng tụng Thập bát anh hơn hết. Nam quốc là chỉ cho nước Nam, chúng ta đã biết. Còn Bắc quốc đây là chỉ cho Trung Quốc. Ý câu thơ này muốn nói rằng, cả nước Nam nước Tàu ca tụng văn học Hà Tiên.”.

Tài năng dịch thơ của Đông Hồ chứng tỏ khả năng Hán học lưu loát; đồng thời, cho thấy sự cảm nhận cái thần trong văn chương cổ ở thi sĩ Đông Hồ. Câu thơ dịch vừa lột tả được ý thơ của nguyên tác, vừa họa vãn các câu thơ của bài thơ nguyên tác. Chẳng hạn, bài dịch “Lộc tử thôn cư” của ông:

*“Lều tre, giấc tỉnh gió lay mình
Tiếng quạ ồn chi trước mái tranh
Ráng xế treo nghiêng khung cửa tím
Cây vườn che rợp luống rau xanh*

*Tánh gần mộc mạc nai hươu dại
Lòng thích thơm tho nếp tẻ thanh
Ai đó hỏi thăm đâu chốn ở
Lưng trâu tiếng sáo lặng làm thinh.”.*

Còn bài “Lư Khê nhàn điệu”, Đông Hồ dịch cũng rất có hồn như:

*“Sông Lư bằng láng ánh dương hồng
Ném sợi băng trên tấm lụa trong
Mỗi ngọc đã làm ngon miệng cá
Gió thu đâu để nổi cơn giông*

*Cầu vồng cần trúc hơi sương đượm
Trăng uốn vành câu bóng nước lồng
Lắm lúc ngửa nghiêng cười với biển
Bên trời riêng một cõi ngư ông.”.*

Ngoài sự nghiệp làm thơ, khảo cứu, dịch thuật văn chương, Đông Hồ còn là người thầy, nhà báo. Ông đã có công truyền bá cho bao thế hệ học trò thấy được cái hay cái đẹp của tiếng Việt, cùng góp phần tạo dựng tâm hồn yêu thích văn chương ở họ. Khi ông nằm xuống, tiễn đưa ông về nơi yên nghỉ, lớp học trò đã bày tỏ lòng ngưỡng mộ của họ về một người thầy đáng kính của mình: “... Các anh em sinh viên lại giăng biểu ngữ dọc hai bên đường từ cổng vào chỗ xe tang và ai cũng cảm động rơi nước mắt đi trong những dòng chữ: một sự thương tiếc kính mến đó.” (Mộng Tuyết, “Núi Mộng gương Hồ”)

Thi sĩ Mộng Tuyết vừa là bạn thơ, vừa là bạn đời của thi sĩ Đông Hồ. Bà tên thật Thái Thị Úc (1914-2007) người Mỹ Đức, Hà Tiên, Kiên Giang, cùng làng với thi sĩ Đông Hồ. Bà cũng làm thơ, viết văn, giúp thi sĩ Đông Hồ trong việc khảo cứu văn học Hà Tiên. Bà còn có nhiều bút danh khác: Bách Thảo Sương, Bán Bán nữ sĩ, Hà Tiên Cô, Nàng Út, Thất Tiểu Muội...

Thơ của bà nói về tình người, quê hương với một tình cảm nhẹ nhàng, thanh thoát. Lời thơ là nỗi lòng chân thành của bà, chớ không nặng về gọt giũa, trau chuốt nghệ thuật. Chẳng hạn, bà viết “*Mừng anh Trác Chi tục huyền, chị Nhã Liên xuất giá*”:

*“Nhàn nhã dây tơ nhẹ phím loan
Uyên ương rày nối khúc giao hoan
Khối trầm lò cũ hương càn đượm
Vầng nguyệt xuân xưa bóng lại tròn*

*Vui chị, chị tình trong cốt nhục
Mừng anh, anh nghĩa chốn chi lan
Trăm năm gia thất nhiều êm đẹp
Trang điểm hồ Đông cấy bóng sen.”.*

Khi Đông Hồ mất người vợ đầu (bà Linh Phượng), Mộng Tuyết lúc ấy vừa là người học trò, vừa như người em gái của thi sĩ Đông Hồ, đã góp phần nối kết duyên mới cho thi sĩ Trác Chi và chị Năm của mình. Bởi đó, tình cảm thể hiện trong bài thơ đúng

như tình cảnh trong tập hồi kí “*Núi Mộng gương Hồ*” mà bà có ghi lại:

“Tôi là người em gái của cả hai người thành ra tôi phải chuyển những ý muốn của anh Trác Chi với chị tôi và chị tôi chỉ là người thụ động.

Cuộc hôn nhân chính thức cử hành long trọng. Đám cưới chọn được giờ lành giữa khuya một đêm trăng.”.

Sự nghiệp thơ của Mộng Tuyết có rất nhiều bài ca ngợi quê hương gắn liền với các chuyến đi thăm cảnh, thăm người của bà với thi sĩ Đông Hồ trên khắp nước Việt Nam từ Nam chí Bắc. Đó là thú chơi tao nhã ngày ấy của nhiều bậc văn nhân thi sĩ. Đến những nơi có thắng cảnh, bà thường lưu lại bằng đôi bài thơ, câu thơ. Khi đến Nha Trang, bà viết bài “*Trên bãi Nha Trang*”:

*“Từ lâu mây nước vẫn mơ màng
Ôm ấp non sông giấc mộng vàng
Rượu biệt Sài Thành say chưa tỉnh
Biển trời trăng gió đất Nha Trang.”.*

Rồi bà đến Tuy Hòa, nhìn núi Nhạn vào một buổi chiều nghiêng bóng xế, bà viết ngay trên bãi biển cát:

*“Hôm nọ Nha Trang thăm Thác Bà
Nay lên núi Nhạn phủ Tuy Hòa
Non sông nhìn cảm câu hưng phế
Bảng lảng Trường Sơn dải bóng tà.”.*

Tạm biệt Qui Nhơn, bà lại lên vùng cao Tây Nguyên rồi để lại thơ:

*“Kon Tum cả một trời “xuân chặm”
Cả một lòng xuân hơn hờ cười
Rừng núi đưa về hương gió lạ
Tình yêu mơn mớn cánh hoa tươi.”.*

Đến Huế cảm cảnh sông Hương bà lại viết:

*“Thuyền khúc sông Hương đêm thất tịch
Lạnh lùng trăng nước khúc Nam Ai.”.*

Qua Đò Sơn, không đi được Hạ Long vì tình hình chiến tranh lúc ấy, bà viết bài “*Nhấn Hạ Long*”:

*“Trăng gió qua chơi đất Hải Phòng
Phong ba sắp nổi trận lung tung
Rón ngòi không tiện đi không dứt
Nhấn bác Long Điền cảnh Hạ Long.”.*

Đến Thăng Long, thăm lầu Khuê Văn, chùa Một Cột, hồ Hoàn Kiếm, cầu Thê Húc..., bà viết bài “Hà Nội Tây Thử”:

“Hà Nội cô em bé mỹ miều
Đêm ngày mong gặp dấu tình yêu
Chau mây nũng nịu làm Tây Tử
Ủ rũ Hồ Gươm bóng liễu chiều.”.

Thơ Mộng Tuyết còn có nỗi niềm chung riêng đối với tình cảnh con người, tình cảnh của đất nước. Thơ bà luôn hướng về sự chân thành, cái thiện cảm. Lần đầu gặp Nguyễn Tuân, nhà văn nổi tiếng đất Hà Thành, tại ga Hà Nội, bà ghi lại tình cảm hết mực thân thiết của mình qua bài thơ:

“Đạm đạm trường giang thủy
Du du viễn khách tình
Lạc hoa tương dữ hận
Đáo địa nhất vô thanh.”.

Tạm dịch:

“Nao nao nước sông dài
Miên man tình khách xa
Hoa rơi cảm nỗi sầu
Về đất một tỉnh không.”.

Hay trong bài “Lưu biệt ông bà Đào Duy Anh”, trước giờ chia biệt người và đất Huế, bà bộc lộ tình cảm của bà khi cảm cảnh quê hương, đất nước:

“Cùng trong một mối cảm văn chương
Một ngậm ngùi theo một đoạn đường
Mắt dấu trông ra dòng nước Nhị
Lòng còn để lại bến sông Hương

Nhìn mây Trấn Hải hồn oanh liệt
Nghe khúc Nam Ai tiếng đoạn trường
Còn biệt nhưng ngày còn gặp lại
Còn cung điện cũ bóng tà dương.”.

Thơ Mộng Tuyết không chỉ có tình người ở khái niệm nhân bản của nó. Thơ bà cũng hướng về sự tiến bộ, trọng lẽ phải, yêu nghĩa lớn. Bà đã có những chính kiến ủng hộ những suy nghĩ và hành động của người Cách mạng, những người hiến thân cho chính nghĩa. Chẳng hạn, trong bài “Chiếc lá thị thành”, bà viết:

“Đây một tờ thư của thị thành
Thả về thăm hỏi chiến khu xanh
Hỏi anh chiến sĩ mùa thu trước

Hơn một mùa thu bận chiến tranh

Lầm liệt rừng thu gió tải về
Bao tờ lá đỏ chiến công ghi
Bao tờ lá đỏ đề lời máu
Thẻ quyết thành công một chuyến đi.

Đất nước từ khi dấy lửa binh
Hôi tanh vẫn đục bụi kinh thành
Thơm tho đâu nữa làn son phấn
Mấy độ hoa quỳnh khép ý tình

Sương gió nơi nơi dẫm bắt bình
Nơi nơi thê thảm tiếng diều linh
Cắm cắm thu ngậm hồn u uất
Đăm đăm trông về chiến lũy xanh.”.

Đoạn cuối bài thơ, Mộng Tuyết đã thiện rõ quan điểm, tình cảm của mình về tính chính nghĩa và sự phi nghĩa của chiến tranh. Đây là một ý tưởng phải nói là dũng cảm của một người phụ nữ trong thời điểm lúc bấy giờ.

Sự nghiệp thơ của Thất Tiểu Muội đáng được ghi nhận trong thi đàn Việt Nam. Đó là một phong cách thơ đáng yêu trong số ít ỏi những nhà thơ nữ thành danh thời ấy có được phong cách riêng cho thơ mình. Ngoài ra, Hà Tiên Cô còn là một nhà văn. Bà có tùy bút “Đường vào Hà Tiên”, ba tập hồi kí “Núi Mộng gương Hồ”, tập kí sự lịch sử “Nàng Ái Cơ trong chạu úp”...

Trong “Đường vào Hà Tiên”, bà giới thiệu cho du khách về quê hương của bà bằng một tình cảm sâu nặng, biết ơn quê hương, nơi bà sinh trưởng, để ai chưa một lần đến, rất muốn đến; ai đã một lần đến, cảm thấy yêu Hà Tiên hơn:

“... Riêng ở đây, ngoài tấm cảm tình riêng biệt đã sẵn dành cho chốn quê hương, còn thêm tấm lòng yêu đằm thắm đối với cảnh thiên nhiên, bao bọc quanh mình từ nhỏ. Biển rừng hồ núi quanh đây, đối với Út như là chiếc nôi êm ấm của đũa hài nhi. Thêm vào, lại còn niềm kính mến tôn sùng mãnh đất lịch sử đượm một phong khí thiêng liêng huyền bí..

Lúc nào Út cũng có thể tự hào mà nghĩ:

- Chỗ quê hương của mình, đất nước Hà Tiên, sao mà có nhiều cái đáng yêu quá!

Rồi thì Út lan man mơ mộng:

- Không biết Thiên Thai có hay không? Nếu có, thì Thiên Thai đẹp như thế nào? Chứ Hà Tiên quyết là Thiên Thai của Út đó.”

Với kí sự tiểu thuyết “*Nàng Ái Cơ trong chậu úp*”, Mộng Tuyết đã giúp du khách viếng cảnh “Chùa Phù Dung” hiểu được những gì liên quan đến ngôi mộ cổ bà Di Tự (bà di ở am tự), bà thứ cơ tài sắc, người mà Mạc Linh Công (Mạc Thiên Tích) sủng ái, cho xây cất ngôi am tự theo ý bà để bà tu hành khi bà chán chường sự thế. Khi bà mất, Ông Linh (Mạc Linh Công) đã cho xây ngôi mộ kiên cố, đẹp đẽ để tỏ lòng thương nhớ người vợ đã vì ông mà chịu oan khổ. Trong phần lời bạt, Bách Thảo Sương có nêu lí do bà viết lại câu chuyện ấy. Điều này đủ cho thấy quan điểm sáng tác đúng đắn của bà thế nào là văn học, sử học phục vụ đời sống:

“Chuyện Bà Di Tự bị úp trong chậu vẫn ám ảnh mãi trong trí trẻ thơ. Cho đến ngày biết đọc những thiên khảo cứu về lịch sử họ Mạc, lịch sử Hà Tiên, vẫn không thấy đâu có chép các câu chuyện mà mình lấy làm lí thú. Nhà chép sử bỏ quên hay sao. Hay người làm sử chê là ngoại sử mà chẳng lưu tâm ghi chép.

Nhưng mà, mà bà Di Tự còn kia, chùa Am với ao Sen còn đó.

Triều đình không chép dã sử ngoại truyện đã đành, mà con cháu chép gia phả Hà Tiên cũng vẫn không hề nhắc đến, dầu cho chép bằng cách tồn nghi.

Những nhân vật đó đã có một ảnh hưởng to lớn ở đương thời, đã để lại một cảm thương sâu xa cho hậu thế, thì có lẽ nào mà lại bỏ quên đành.

Hèn chi mà nhiều người than sách sử khô khan và đọc sách sử buồn tẻ là phải.”

Trong sự nghiệp cầm bút, bên cạnh người bạn đời Đông Hồ, Bà Bà nữ sĩ cũng đóng góp một phần công sức không nhỏ vào việc gìn giữ và truyền bá văn học của Tao đàn Chiêu Anh Các. Sự nghiệp văn chương của thế hệ tiền hiền khai phá đất Hà Tiên sẽ bị mai một ít nhiều nếu không có ý thức khảo

cứu của đôi thi nhân đất Hà Tiên này. Nền văn học nước nhà ghi nhận công lao của họ còn là ở lĩnh vực biên khảo ấy.

Ngày nay, du khách đến Hà Tiên, ngoài phần việc tìm hiểu tham quan “Hà Tiên thập cảnh”, chắc rằng, họ cũng phải dành thêm một ít thời gian để tham quan thêm một cảnh trí nữa của Hà Tiên là khu lưu niệm Đông Hồ - Mộng Tuyết. Nếu không ghé đây, du khách khó cảm nhận được hết tiến trình lịch sử văn hóa của Hà Tiên, vì đã bỏ qua một mắt xích có liên quan đến lĩnh vực văn hóa, văn chương của vùng đất này. Hoạt động văn chương của Đông Hồ - Mộng Tuyết ít nhiều cũng đã góp phần cho Hà Tiên bây giờ thêm giàu đẹp và nên thơ vào loại bậc nhất ở vùng đồng bằng sông Cửu Long. Mặt khác, du khách ghé thăm nơi đây cũng là dành những giây phút để tưởng nhớ và biết ơn người đã có công gìn giữ, phát triển văn học Hà Tiên, để nó vẫn sống mãi trong lòng du khách. Xin được ghi lại đôi dòng cảm tưởng của nhà văn Nguyễn Đình Thi khi ông đến thăm Nhà Lưu niệm Đông Hồ và chủ nhân của nó là Mộng Tuyết vào tháng 3 năm 1996, như sau:

“Hôm nay, tôi từ ngàn dặm xa, tới Nhà Lưu niệm Đông Hồ, bóng nhà thơ chí sĩ vẫn đâu đây và tôi còn may được gặp người thân yêu nhất của nhà thơ. Xin chúc chị Mộng Tuyết khỏe, trường thọ và vẫn còn sáng tạo cho đời những dòng thơ như suối long lanh.”

Hôm nay, thi sĩ Mộng Tuyết cũng đã về với nhà thơ Đông Hồ và Nhà Lưu niệm Đông Hồ nay đã trở thành Nhà Lưu niệm Đông Hồ - Mộng Tuyết.

Ts. HUỲNH CÔNG TÍN
282 Tầm Vu, Ninh Kiều
Cần Thơ
0939 763 200